

Số: 62 /QĐ-TTHCSLTV

Liên Chiểu, ngày 01 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của Trường THCS Lương Thế Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LƯƠNG THẾ VINH

Căn cứ Quyết số 8626/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND Quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng về việc tổ chức lại trường THCS Lương Thế Vinh quận Liên Chiểu;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 4168/QĐ-UBND của UBND quận Liên Chiểu ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc giao chỉ tiêu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ thông báo Thẩm định quyết toán năm 2024 số 360/TB-TCKH ngày 20 tháng 3 năm 2025 của phòng Tài chính kế hoạch quận Liên Chiểu;

Theo đề nghị của Kế toán Trường THCS Lương Thế Vinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của trường THCS Lương Thế Vinh (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng Văn phòng, Tổ trưởng chuyên môn, kế toán, viên chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Phòng TC-KH quận Liên Chiểu (để b/c);
- Lưu: VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Viêt Hùng

PHỤ LỤC

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS LƯƠNG THẾ VINH
 CHƯƠNG: 599 MÃ ĐVQHNS: 1091897

(Kèm theo Quyết định số: 62/QĐ-TTHCSLTV ngày 01 tháng 4 năm 2025
 của Hiệu trưởng Trường THCS Lương Thế Vinh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số báo cáo quyết toán	Ghi chú
I	Số liệu quyết toán ngân sách năm 2024:		
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	33.025.000	
2	Dự toán được giao trong năm	15.809.276.500	
2.1	- Dự toán giao đầu năm	13.466.255.000	
2.2	- Dự toán bổ sung trong năm	2.343.021.500	
3	Kinh phí giảm trong năm	403.000.000	
3.1	Kinh phí giảm theo quyết định	138.000.000	Nguồn 13
3.2	Kinh phí giảm theo quyết định	265.000.000	Nguồn 12
4	Kinh phí được sử dụng trong năm (=1+2-3)	15.439.301.500	
5	Kinh phí thực nhận	15.426.296.000	
6	Kinh phí quyết toán	15.426.296.000	
7	Kinh phí hủy tại kho bạc (=4-5)	13.005.500	Nguồn 12
II	Số liệu quyết toán học phí năm 2024:		
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	88.042.582	
1.1	Kinh phí 40%	0	
1.2	Kinh phí 60%	88.042.582	
2	Kinh phí được sử dụng trong năm	88.042.582	
2.1	Kinh phí 40%	0	
2.2	Kinh phí 60%	88.042.582	

THÔNG BÁO

Thẩm định quyết toán năm 2024

Đơn vị được thông báo: Trường THCS Lương Thế Vinh.

Thực hiện Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính Quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp;

Căn cứ Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND quận Liên Chiểu về việc giao chỉ tiêu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Trên cơ sở số liệu báo cáo quyết toán năm 2024 của Trường THCS Lương Thế Vinh, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận thẩm định quyết toán kinh phí năm 2024 như sau:

1. Số liệu quyết toán năm 2024.

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	33.025.000	
2	Dự toán được giao trong năm	15.809.276.500	
2.1	- Dự toán giao đầu năm	13.466.255.000	
2.2	- Dự toán bổ sung trong năm	2.343.021.500	
3	Kinh phí giảm trong năm	403.000.000	
3.1	- Kinh phí giảm theo quyết định	138.000.000	Nguồn 13
3.2	- Kinh phí giảm theo quyết định	265.000.000	Nguồn 12
4	Kinh phí được sử dụng trong năm (=1+2-3)	15.439.301.500	
5	Kinh phí thực nhận	15.426.296.000	
6	Kinh phí quyết toán	15.426.296.000	
7	- Kinh phí bị huỷ tại kho bạc (=4-5)	13.005.500	Nguồn 12
8	Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau và quyết toán	0	
9	Kinh phí được chuyển nguồn	0	

2. Số liệu quyết toán Học phí:

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	88.042.582	
1.1	- Kinh phí 40%	0	
1.2	- Kinh phí 60%	88.042.582	
2	Số thu học phí trong năm	0	
2.1	- Kinh phí 40%		
2.2	- Kinh phí 60%		
3	Kinh phí được sử dụng trong năm (=1+2)	88.042.582	
3.1	- Kinh phí 40%	0	
3.2	- Kinh phí 60%	88.042.582	
4	Kinh phí quyết toán	88.042.582	
4.1	- Kinh phí 40%	0	
4.2	- Kinh phí 60%	88.042.582	
5	Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau và quyết toán (=3-4)	0	
5.1	- Kinh phí 40%	0	
5.2	- Kinh phí 60%	0	
6	Dự toán còn dư ở Kho bạc (=6)	0	

3. Thuyết minh số liệu quyết toán

(Số liệu chi tiết theo Phụ lục 3.2 kèm theo)

4. Nhận xét và kiến nghị

Qua xem xét và thẩm tra số liệu báo cáo quyết toán kinh phí năm 2024 của Trường THCS Lương Thế Vinh, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Liên Chiểu chấp thuận theo số báo cáo quyết toán của đơn vị. Toàn bộ chứng từ quyết toán, đơn vị có trách nhiệm bảo quản và lưu trữ tại đơn vị mình và chịu trách nhiệm tính pháp lý toàn bộ chứng từ. Nếu sau này có kiểm tra chứng từ phát hiện các khoản chi không hợp lệ sẽ xuất toán theo Luật Ngân sách Nhà nước./.

Nơi nhận:

- THCS Lương Thế Vinh;
- Lưu: VT, BPNS.

TRƯỞNG PHÒNG



[Handwritten signature]
Dương Thị Thanh Thủy

**ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024**

Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ: TRƯỜNG THCS LƯƠNG THẾ VINH

DVT : đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Tổng số Chương 599			Loại 070 - Khoản 073		
		Số báo cáo	Số thẩm định	Chênh lệch	Số báo cáo	Số thẩm định	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
1	I. Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	121.067.582	121.067.582	0	121.067.582	121.067.582	0
2	I. Nguồn ngân sách nhà nước:	121.067.582	121.067.582	0	121.067.582	121.067.582	0
3	a) Ngân sách trong nước:	33.025.000	33.025.000	0	33.025.000	33.025.000	0
4	- Kinh phí đã nhận		0	0	0	0	0
5	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	33.025.000	33.025.000		33.025.000	33.025.000	0
6	b) Học phí để lại	88.042.582	88.042.582		88.042.582	88.042.582	
	- Kinh phí 40%	0	0		0	0	
	- Kinh phí 60%	88.042.582	88.042.582		88.042.582	88.042.582	
7	2. Cấp bằng lệnh chi						
8	II. Dự toán được giao trong năm	15.809.276.500	15.809.276.500	0	15.809.276.500	15.809.276.500	0
9	I. Nguồn ngân sách nhà nước:	15.809.276.500	15.809.276.500	0	15.809.276.500	15.809.276.500	0
10	a) Ngân sách trong nước	15.809.276.500	15.809.276.500	0	15.809.276.500	15.809.276.500	0
11	b) Học phí để lại	0	0	0	0	0	0
	- Kinh phí 40%	0	0		0	0	
	- Kinh phí 60%	0	0		0	0	
12	2. Cấp bằng lệnh chi						
13	III. Tổng số được sử dụng trong năm	15.930.344.082	15.930.344.082	0	15.930.344.082	15.930.344.082	0
14	I. Nguồn ngân sách nhà nước:	15.930.344.082	15.930.344.082	0	15.930.344.082	15.930.344.082	0
15	a) Ngân sách trong nước (3+10)	15.842.301.500	15.842.301.500	0	15.842.301.500	15.842.301.500	0
16	b) Học phí để lại	88.042.582	88.042.582	0	88.042.582	88.042.582	
	- Kinh phí 40%	0	0		0	0	
	- Kinh phí 60%	88.042.582	88.042.582		88.042.582	88.042.582	
17	2. Cấp bằng lệnh chi	0	0	0	0	0	0
18	IV. Kinh phí thực nhận trong năm	15.514.338.582	15.514.338.582	0	15.514.338.582	15.514.338.582	0
19	I. Nguồn ngân sách nhà nước:	15.514.338.582	15.514.338.582	0	15.514.338.582	15.514.338.582	0
20	a) Ngân sách trong nước	15.426.296.000	15.426.296.000	0	15.426.296.000	15.426.296.000	0
21	b) Học phí để lại	88.042.582	88.042.582	0	88.042.582	88.042.582	
	- Kinh phí 40%	0	0		0	0	
	- Kinh phí 60%	88.042.582	88.042.582		88.042.582	88.042.582	
22	2. Cấp bằng lệnh chi			0			0
23	V. Kinh phí quyết toán	15.514.338.582	15.514.338.582	0	15.514.338.582	15.514.338.582	0
24	I. Nguồn ngân sách nhà nước:	15.514.338.582	15.514.338.582	0	15.514.338.582	15.514.338.582	0
25	a) Ngân sách trong nước	15.426.296.000	15.426.296.000	0	15.426.296.000	15.426.296.000	0
26	b) Học phí để lại	88.042.582	88.042.582	0	88.042.582	88.042.582	0
	- Kinh phí 40%	0	0		0	0	
	- Kinh phí 60%	88.042.582	88.042.582		88.042.582	88.042.582	
27	2. Cấp bằng lệnh chi			0			0
28	VI. Kinh phí giảm trong năm (29+34+39)	416.005.500	416.005.500	0	416.005.500	416.005.500	0
29	I. Đã nộp NSNN:	403.000.000	403.000.000	0	403.000.000	403.000.000	0
30	a) Nguồn ngân sách nhà nước:	403.000.000	403.000.000	0	403.000.000	403.000.000	0
31	- Ngân sách trong nước	403.000.000	403.000.000	0	403.000.000	403.000.000	0
32	- Phí, lệ phí để lại	0	0	0	0	0	0

Mã số	Chỉ tiêu	Tổng số Chương 599			Loại 070 - Khoản 073		
		Số báo cáo	Số thẩm định	Chênh lệch	Số báo cáo	Số thẩm định	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6=5-4
33	b) Cấp bằng lệnh chi	0	0	0	0	0	
34	2. Còn phải nộp NSNN :	0	0	0	0	0	
35	a) Nguồn ngân sách nhà nước:	0	0	0	0	0	
36	- Ngân sách trong nước (4+20-25-30-45)	0	0	0	0	0	
37	- Phí, lệ phí để lại (6+21-26-32-47)	0	0	0	0	0	
38	b) Cấp bằng lệnh chi (7+17-27-33-48)	0	0	0	0	0	
39	3. Dự toán bị huỷ	13.005.500	13.005.500	0	13.005.500	13.005.500	0
40	a) Nguồn ngân sách nhà nước:	13.005.500	13.005.500	0	13.005.500	13.005.500	0
41	- Ngân sách trong nước (5+10-20-30)	13.005.500	13.005.500	0	13.005.500	13.005.500	0
42	VII. Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	0	0	0	0	0	0
43	1. Nguồn ngân sách nhà nước:	0	0	0	0	0	0
44	a) Ngân sách trong nước	0	0	0	0	0	0
45	- Kinh phí đã nhận						
46	- Dự toán còn dư ở Kho bạc (5+10-25-39)	0	0		0	0	0
47	b) Học phí để lại (6+11-26)	0	0		0	0	
	- Kinh phí 40%	0	0		0	0	
	- Kinh phí 60%	0	0		0	0	
48	2. Cấp bằng lệnh chi						